

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2018/DS-ST

Ngày: 27-02-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Lê Thị Tý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Trụ sở: đường N, Phường L, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số: 039/2017/UQ-TTT ngày 04/8/2017)

Địa chỉ: 68/26 Đường B, phường A, quận Tân, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Lê Ngọc Ch, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 59 Đường số 17B, phường B, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 16 tháng 5 năm 2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần T có ông Lê Đức T đại diện trình bày:

Ngày 22/01/2016 bà Lê Ngọc Ch có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà Ch, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân; Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm, thời hạn sử dụng thẻ có được gia hạn theo thỏa thuận của hai bên; Lãi suất trong hạn: 2.15%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và phí gồm: phí thường niên, phí vượt hạn mức, phí trễ hạn.

Trong thời gian từ tháng 2,3,4 năm 2016 bà Ch đã giao dịch số tiền là 154.977.660đ (Một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), bà đã trả 36.996.336đồng, số tiền này sau khi trừ vào tiền phí và lãi thì bà Ch giao dịch vượt hạn mức là 2.522.041đồng. Từ đó đến nay bà Ch không thanh toán bất cứ khoản tiền nào nữa nên số tiền trên phát sinh lãi và phí dẫn đến số tiền vượt hạn mức là 154.977.660đ (Một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Ngày 16/10/2016 Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng thẻ của bà Ch do bà Ch vi phạm không thanh toán vốn và lãi được quy định tại Điều 23 hợp đồng. Do đó toàn bộ dư nợ còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn theo điểm b Điều 22 hợp đồng là 389 ngày. Số tiền lãi được tính như sau:

- Lãi suất 01 ngày là: $152.522.041 \text{ đồng} \times (2.15\% \times 150\%) : 30 \text{ ngày} = 163.961 \text{ đồng}$.

- Lãi: $163.961 \text{ đồng} \times 500 \text{ ngày} = 81.980.500 \text{ đồng}$.

Như vậy số tiền bà Ch còn nợ là:

- Nợ gốc : 152.522.041 đồng;

- Lãi quá hạn : 81.980.500 đồng;

- Tổng cộng: 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Chúc, yêu cầu bà Chúc có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Chúc trả nợ, tuy nhiên bà Chúc vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Lê Ngọc Ch phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/02/2018 là 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 152.522.041 đồng, lãi quá hạn là 81.980.500đồng (Lãi suất quá hạn 3.225%/tháng) và bà Ch còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại, tính từ ngày 28/02/2018 cho đến khi bà Ch trả hết số nợ trên theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Án phí sơ thẩm: Bà Lê Ngọc Ch phải chịu án phí sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Ngọc Ch đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ đề đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng ông Lê Đức T có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Bà Lê Ngọc Ch đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1) Việc tuân theo pháp luật về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán được phân công thụ lý đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự về xác minh thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn theo quy định.

Bà Lê Ngọc Ch có nơi cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổ chức hòa giải công khai chứng cứ để bảo đảm quyền lợi cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử thì chưa đảm bảo đúng quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt cho đương sự đúng quy định;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã tuân theo đúng quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2) Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, quá trình giao dịch qua tài khoản thẻ của bà Ch, lời trình bày của đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Ngọc Ch trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35. Bà Lê Ngọc Ch có nơi cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn bà Lê Ngọc Ch đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không tham gia cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Lê Ngọc Ch đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đã vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa mà không lý do và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên xem như bà Ch tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng có quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét việc Ngân hàng Thương mại cổ phần T yêu cầu bà Lê Ngọc Ch trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/02/2018 là 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 152.522.041 đồng, lãi quá hạn là 81.980.500 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc còn lại, kể từ ngày 28/02/2018 cho đến khi bà Ch trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 22/01/2016 và tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T có hiệu lực ngày 21/9/2015; trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/01/2016 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T và bà Lê Ngọc Ch cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T và bà Ch có giao kết Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức vay nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì trong thời gian từ tháng 2,3,4 năm 2016 bà Ch đã giao dịch số tiền là 154.977.660đ (Một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng), bà đã trả 36.996.336 đồng, số tiền này sau khi trừ vào tiền phí và lãi thì bà Chúc giao dịch vượt hạn mức là 2.522.041 đồng. Từ đó đến nay bà Ch không thanh toán bất cứ khoản tiền nào nữa nên số tiền trên phát sinh lãi và phí dẫn đến số tiền vượt hạn mức là 154.977.660đ (Một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Bà Ch đã vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án.

Như vậy, việc bà Ch không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong suốt thời gian dài vừa qua đã vi phạm Điều 2, Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng Thương mại cổ phần T nên ngân

hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ của bà Ch từ ngày 16/10/2016 và bà Ch phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 27/02/2018 của Ngân hàng TMCP T thì tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2018) bà Ch còn nợ Ngân hàng số nợ gốc và lãi quá hạn là 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 152.522.041đồng, lãi quá hạn là 81.980.500đồng.

Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn dựa vào sự thỏa thuận đối với khách hàng và phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định bà Ch có giao kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần T hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức vay nợ là 150.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, bà đã trả 36.996.336đồng, số tiền này sau khi trừ vào tiền phí và lãi thì bà Ch giao dịch vượt hạn mức là 2.522.041đồng. Từ đó đến nay bà Ch không thanh toán bất cứ khoản tiền nào nữa nên số tiền trên phát sinh lãi và phí dẫn đến số tiền vượt hạn mức là 154.977.660đ (Một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

Từ những căn cứ trên cùng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở buộc bà Lê Ngọc Ch phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền là 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 152.522.041đồng, lãi quá hạn là 81.980.500đồng, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Ch còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại, tính từ ngày 28/02/2018 cho đến khi bà Ch trả hết số nợ trên theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần T có hiệu lực ngày 21/9/2015.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Ngọc Ch phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.
- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Ngọc Ch có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền là 234.502.541đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng); Trong đó: Nợ gốc là 152.522.041đồng, lãi quá hạn là 81.980.500đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/01/2016. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Ch còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 28/02/2018 cho đến khi bà Chúc trả hết số nợ trên theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần T có hiệu lực ngày 21/9/2015

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 11.725.127đ (Mười một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng) bà Lê Ngọc Ch phải chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.411.509đ (Bốn triệu, bốn trăm mười một nghìn, năm trăm lẻ chín đồng) theo biên lai thu số 0000420 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Giang

Lê Thị Tý

Nguyễn Ngọc Hạnh

